**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CÁI NƯỚC**
**TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 8 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Mầm.

2. Ông Nguyễn Văn Hành.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị T: Bà Nguyễn Thị T1 – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2017 và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị T (nguyên đơn) trình bày:*

*Về hôn nhân*: Chị và anh T thành hôn vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên nhậu về vợ chồng cự cải và đã

sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

*Về con chung*: Có 01 con chung tên Trần Nhã M, sinh ngày 11/02/2017, hiện tại con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Có tài sản nhưng không liệt kê tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ thu, nợ trả*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải ngày 24/7/2017, tại bản tự khai ngày 31/7/2017 và các lời khai tại Tòa án, anh Trần Văn T (bị đơn) trình bày:*

*Về hôn nhân*: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Do anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị T, yêu cầu được đoàn tụ. Sau đó, anh thay đổi quan điểm anh đồng ý ly hôn với chị T.

*Về con chung*: Có 01 con chung tên Trần Nhã M, sinh ngày 11/02/2017, hiện tại con đang sống với chị T. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Có tài sản nhưng không liệt kê tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ thu, nợ trả*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bà Nguyễn Thị Thúy là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị T có quan điểm*: Theo lời trình bày của chị T đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T là vợ chồng, chị T được trực tiếp nuôi con tên Trần Nhã M, sinh ngày 11/02/2017 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Do điều kiện đi lại khó khăn, anh Trần Văn T có đơn xin vắng mặt đề ngày 31/7/2017.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Anh Trần Văn T có đơn xin vắng mặt đề ngày 31/7/2017 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị T và anh T thành hôn vào năm 2016, nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý. Mặc dù anh, chị thuận tình ly hôn nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị T và anh T là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh, chị thống nhất có 01 con chung tên Trần Nhã M, sinh ngày 11/02/2017, hiện tại con đang sống với chị T. Tại Tòa án, anh chị đã thống nhất giao con cho chị T nuôi. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật. Mặt khác, từ ngày sống ly thân cho đến nay con do chị T nuôi dưỡng cũng đã ổn định, sức khỏe vẫn phát triển bình thường và cháu Trần Nhã M chưa đủ 36 tháng tuổi nên yêu cầu nuôi con của chị T và lời đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Trần Nhã M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Chị T và anh T thống nhất có tài sản nhưng không liệt kê tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu anh, chị không thỏa thuận được với nhau thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[5] *Về nợ thu, nợ trả*: Chị T và anh T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

[1] *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Nhã M, sinh ngày 11/02/2017 và anh Trần Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003633 ngày 30/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo bản án của anh Trần Văn T là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Hiền**